

Bản án số 225/2022/HC-PT
Ngày 14/9/2022
Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Lê Phước Thanh, ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 147/2022/TLPT-HC ngày 01/8/2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2152/2022/QĐ-PT ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: bà Hồ Thị Bích V, sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Văn H1 - Văn phòng Luật sư TC thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi), có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện N.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H: ông Huỳnh Văn D - Phó Chủ tịch UBND xã H, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Cao Văn H1, sinh năm 1974, vắng mặt;

3.2. Ông Bùi H2, sinh năm 1953, vắng mặt;

Ông H1 và ông H2 cùng địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 08/01/2021 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Hồ Thị Bích V trình bày: Trước năm 1954, ông nội chồng của bà V tạo lập được diện tích 5.500m² đất, do chiến tranh chống Mỹ nên gia đình bà V cùng nhân dân xã H phải lánh bom đạn, mãi đến năm 1975 giải phóng miền Nam, gia đình bà V quay về quê hương sinh sống và khai hoang lại phần đất đai đã bỏ hoang để trồng mì, lang. Khai hoang lại và canh tác khoảng 1.500m² thì anh chồng bà V là Huỳnh T1 bị mìn nổ chết nên gia đình bà V không tiếp tục khai hoang nữa, chỉ sử dụng 1.500m² này để trồng mì, lang lấy củ ăn. Phần đất này nằm trong diện tích đất 5.500m² là đất của ông nội bà V, nhưng sau chiến tranh giấy tờ không còn. Thửa đất diện tích 1.500m² có giới cận: Đông giáp đất ông Trần Văn Ng, Tây giáp đất ông Huỳnh C (Lân) và Trần Văn M, Nam giáp đất ông Nguyễn Tấn N, Bắc giáp ruộng ĐT. Năm 1978-1979 có chính sách của Đảng, Nhà nước về việc vào Hợp tác xã nông nghiệp, gia đình bà V đã đưa khoảng 4 mảnh ruộng vào Hợp tác xã, riêng mảnh đất 1.500m² gia đình bà V không đưa vào HTX và vẫn sản xuất trên đất này. Đến năm 2008, bà V trồng bạch đàn, sau đó vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn nuôi con, thì ở quê ông Cao Văn H1 tự ý lấy đất của bà V trồng keo, khi về không biết ai trồng nên mẹ con bà V có chặt một số cây keo, ông H1 lên tiếng, bà V đến nhà nói với ông H1 thì ông H1 nói để ông H1 trả tiền cho bà V.

Năm 2008, bà V gửi Đơn tranh chấp đất với ông Cao Văn H1 đến Ban thôn A nhưng chưa được giải quyết. Ngày 28/9/2013, bà V làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã H không xác nhận.

Năm 2016, ông Cao Văn H1 bán keo có chia cho bà V hai triệu đồng và xin bà V cho tiếp tục sử dụng đất, nhưng bà V không đồng ý. Năm 2019, UBND báo ai có đất thì kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà V yêu cầu ông H1 bán keo trả lại đất, nhưng ông H1 trả mà cho rằng đất này do ông H1 khai hoang, nên bà V tiếp tục gửi Đơn khiếu nại đến UBND xã. Ngày 16/4/2019, UBND xã H có Văn bản số 17/UBND trả lời đơn của bà V cho rằng từ năm 1980 đến nay diện tích đất này Nhà nước giao cho các tổ chức (Lâm trường) quản lý, sử dụng nên không chấp nhận khiếu nại của bà V. Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND xã H ra Quyết định số 114/QĐ-UBND giải quyết bác khiếu nại của bà V, bà V tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 không chấp nhận khiếu nại của bà V.

Nay bà V khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số

114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N.

- *Tại Văn bản số 98/UBND ngày 24/5/2021, Văn bản số 203/UBND ngày 29/10/2021 của UBND xã H và Chủ tịch UBND xã H; Văn bản số 996/UBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện N và tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn D là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND xã H và Chủ tịch UBND xã H trình bày:* Ngày 10/7/2018, UBND xã H có Thông báo số 61/TB-UBND về kế hoạch đo đạc đất lâm nghiệp trên địa bàn xã H năm 2018 để khép kín bản đồ, thuận lợi trong việc quản lý Nhà nước về đất đai. Do không nắm rõ nội dung thông báo của UBND xã, 31 hộ dân cho rằng đất của họ đã khai hoang trước đây cũng được đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã làm đơn thỉnh cầu đòi lại đất. Nhận thấy vụ việc có tính phức tạp nhiều người, đơn các hộ dân đã nộp là đơn yêu cầu, bản chất không phải tranh chấp đất đai với cá nhân hay UBND xã nên UBND xã không giải quyết theo trình tự thủ tục tranh chấp đất đai (hòa giải tranh chấp đất đai theo Điều 203 Luật đất đai); UBND xã đã tổ chức đối thoại với các hộ dân vào ngày 30/8/2018, có 26/31 hộ tham gia, trong 26 hộ có ông Lê Liêu, ông Huỳnh Chấn, bà Hồ Thị Bích V. Tại buổi đối thoại, các ban ngành, đoàn thể đã giải thích pháp luật, đất các hộ khai hoang trước đây đã được giao cho Lâm trường, Hợp tác xã và UBND xã quản lý đến nay nên việc đòi lại đất của các hộ không có cơ sở để giải quyết.

Đối với bà Hồ Thị Bích V, ngày 13/1 1/2018, bà Hồ Thị Bích V phát sinh ***Đơn xin thỉnh cầu*** gửi đến UBND xã H có nội dung xin lại thửa đất rừng gia đình bà đã khai hoang trước đây tại khu vực Vũng OĐ. Ngày 16/4/2019, UBND xã H có Công văn trả lời số 17/UBND với nội dung việc xin lại diện tích đất rừng mà bà Hồ Thị Bích V cho rằng đã khai hoang trước đây là không đúng với quy định của pháp luật. Không đồng ý với nội dung trả lời của UBND xã H, bà Hồ Thị Bích V phát sinh đơn gửi đến Chủ tịch UBND xã H để khiếu nại. Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 114/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Hồ Thị Bích V. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã H, bà Hồ Thị Bích V tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Hồ Thị Bích V tại Thông báo số 159/TB-UBND ngày 05/12/2019 và thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 09/12/2019. Qua quá trình thẩm tra, xác minh cho thấy nội dung khiếu nại của bà Hồ Thị Bích V liên quan đến 01 thửa đất lâm nghiệp tại khu vực Vũng ODD, xã H. Theo sự dẫn đặc thực tế của bà Hồ Thị Bích V ngày 23/12/2019, thửa đất bà V cho rằng trước đây gia đình bà V khai hoang có diện tích 8.401m². Theo hồ sơ địa chính và bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg thuộc một phần thửa đất số 240, loại đất Hg/đb là đất chưa phân phối sử dụng, thể hiện trong sổ Mục kê tại quyền số 2, trang số 91 và một phần thửa đất số 189, 242, 243 loại đất ĐM/đ do Hợp tác xã nông nghiệp H I đứng tên sử dụng, thuộc tờ bản đồ số

9, xã H; thể hiện trong sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5a) tại quyển số 1, trang số 95 và sổ mục kê tại quyển số 2, trang số 89, 91.

Theo hồ sơ địa chính và bản đồ chỉnh lý năm 1999, thuộc một phần các thửa đất số 189 (loại đất BHK do ông Cao Văn A1 đứng tên), thửa đất số 240 (loại đất BHK do HTXNN H I đứng tên), thửa đất số 242, 243 (loại đất BHK do Tập thể Đội 5 đứng tên), thửa đất số 604 (loại đất BHK do ông Cao V1 đứng tên), thửa đất số 605 (loại đất BHK do bà Trần Thị H3 đứng tên), thửa đất số 606 (loại đất BHK do bà Lê Thị H4 đứng tên) và thửa đất số 607 (loại đất BHK do bà Trần Thị Đ1 đứng tên), thuộc tờ bản đồ số 9, xã H; thể hiện trong Sổ mục kê tại quyển số 1, trang số 7, 9 và trang 21.

Nguyên thửa đất trên có nguồn gốc trước giải phóng do ông nội chồng bà Hồ Thị Bích V tên Đùng khai hoang nên có tên gọi là Vũng ODD. Đến năm 1978 toàn bộ diện tích đất trên do HTXNN H I quản lý, sử dụng. Khoảng năm 1984, một nửa diện tích thửa đất được giao cho 5 hộ dân làm nhà ở (nhà tranh vách đất) gồm Lê Thị H4, Trần Thị H3, Trần Thị Đ1, Cao Văn A1 và Cao V1. Đến khoảng năm 1988, các hộ dân không sử dụng nữa, bỏ hoang đất. Đến năm 2000 thì UBND xã H quản lý, đưa vào quỹ đất công ích. Năm 2010, UBND xã H cho ông Bùi H2 thuê trồng keo và ông Bùi H2 sản xuất, sử dụng cho đến nay. Một nửa diện tích thửa đất còn lại qua làm việc với UBND xã H, đại diện Ban quản lý thôn A, xã H và một số cá nhân biết việc đều cho rằng diện tích đất này cũng được đưa vào HTXNN H I quản lý nhưng vì hoàn cảnh gia đình bà V có anh chồng là ông Huỳnh T1, vào khoảng năm 1976 khai hoang tại đây bị trúng mìn chết nên HTXNN H I để diện tích này cho gia đình bà V sử dụng trồng lang, mỳ và một số cây bạch đàn, tuy nhiên gia đình bà V trồng không có hiệu quả. Đến khoảng năm 2005 gia đình bà V đi làm ăn không có ở địa phương. Năm 2008, bà V trở về địa phương phát sinh đơn đến Ban quản lý thôn A yêu cầu giải quyết việc tranh chấp rừng trồng bạch đàn tại Vũng ODD đối với ông Cao Văn H1, Ban quản lý thôn A đã tổ chức hòa giải vào ngày 18/3/2008 nhưng không thành. Từ đó đến năm 2018 bà V mới phát sinh đơn đến UBND xã H để xin lại đất cho rằng đã khai hoang trước đây. Qua làm việc với bà Hồ Thị Bích V, bà V chỉ trình bày về nguồn gốc đất khai hoang, quá trình sử dụng và việc có phát sinh tranh chấp đến Ban quản lý thôn A năm 2008, ngoài ra không cung cấp được bằng chứng hay các loại giấy tờ hợp pháp nào khác chứng minh về nguồn gốc và việc quản lý, sử dụng đất của mình. Tại buổi đối thoại ngày 20/3/2020, bà Hồ Thị Bích V cũng không cung cấp được bằng chứng gì mới so với tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ xác minh. Thửa đất bà Hồ Thị Bích V khiếu nại đề nghị trả lại đất khai hoang theo trình bày, gia đình bà V không còn sử dụng đất đã lâu. Từ khi không còn sử dụng, gia đình bà không phát sinh tranh chấp hay khiếu nại đến UBND xã H và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Năm 2008, bà có gửi đơn đến Ban nhân dân thôn A hòa giải nhưng không thành, sau đó bà V cũng không phát sinh đơn đến UBND xã để hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 135 Luật Đất đai năm 2003, nay là Điều 202 Luật Đất đai năm 2013). Bà Hồ Thị Bích V chỉ trình bày về nguồn gốc đất, quá

trình sử dụng, ngoài ra không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào liên quan đến việc sử dụng đất, đồng thời bà không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Về nguồn gốc, nguyên thừa đất bà Hồ Thị Bích V khiếu nại đã được Nhà nước giao cho HTXNN H I quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Sau đó, có một phần đất giao lại cho UBND xã quản lý đưa vào quỹ đất công ích của địa phương, phần còn lại được Nhà nước giao cho HTXNN H I nhưng không quản lý, sử dụng, đất hiện nay do ông Cao Văn H1 đang sử dụng. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” nên yêu cầu của bà Hồ Thị Bích V là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết. Việc trả lời đơn cho bà Hồ Thị Bích V của UBND xã H tại Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã H tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 bác khiếu nại lần hai của bà Hồ Thị Bích V đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND xã H, Chủ tịch UBND xã H và Chủ tịch UBND huyện N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Bích V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Văn H1 (tại bản tự khai ngày 17/5/2021) trình bày:* Năm 1992, ông H1 đi nghĩa vụ đến năm 1994 xuất ngũ về địa phương. Từ năm 1994, ông H1 lên Vũng ODD (khu vực NR), thôn A, xã H, huyện N khai hoang diện tích đất bỏ hoang được 01 ha và sử dụng từ đó đến nay. Thời điểm ông H1 sử dụng, đất này cũng không đưa vào Hợp tác xã, bản thân ông H1 cũng không đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H1 sử dụng, quản lý, ban đầu trồng bạch đàn, trồng lang, mì sau đó chuyển sang trồng cây keo cho đến nay. Năm 2008, bà Hồ Thị Bích V tranh chấp với ông H1 và cho là đất của bà V, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông H1 sử dụng đất từ năm 1994, bà V không có ý kiến gì nhưng nay bà V lại khởi kiện đã gây ảnh hưởng đến việc sử dụng đất và trồng trọt của ông H1. Diện tích đất này bỏ hoang nên ông H1 khai thác và sử dụng đến nay, nếu sau này UBND xã, huyện lấy lại thì ông H1 trả nhưng nếu bà V lấy thì ông H1 không đồng ý, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi H2 trình bày:* Năm 2010, ông H2 thuê đất của UBND xã H, đã nộp đủ tiền thuê đất. Đến năm 2019, ông H2 tiếp tục thuê đất của UBND xã H trồng keo theo Hợp đồng số 50/HĐ-TĐ ngày 05/6/2019, ông H2 thuê diện tích 5.200m² tại xứ đồng Gò Gai, thôn A, xã H, thời hạn thuê 5 năm (01/01/2020-01/01/2025), giá thuê là 4.000đ/m²/5năm. Hiện

nay trên đất có cây keo 2 năm tuổi do ông H2 trồng. Theo ông H2 được biết, đất này UBND xã H đã quản lý từ lâu, bà Hồ Thị Bích V cũng không sử dụng đất này. Việc bà Hồ Thị Bích V khởi kiện UBND xã H ông H2 không liên quan, ông H2 chỉ thuê đất của UBND xã để làm kinh tế và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Ông H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 19/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 6; Điều 7; khoản 3 Điều 23; khoản 5 Điều 26; Điều 202; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 17; Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 38; Điều 39; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Bích V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H về việc trả lời đơn của bà Hồ Thị Bích V, ở thôn A, xã H, huyện N; Hủy Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị Bích V, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần đầu); Hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị Bích V, địa chỉ thường trú: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần hai).

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Bích V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp (do ông Nguyễn Thảo nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006762 ngày 02/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 28/4/2022, người khởi kiện (bà Hồ Thị Bích V) có đơn kháng cáo cho rằng UBND xã H giải quyết tranh chấp đất đai và ban hành Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019; Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định giải quyết số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019; Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 là trái thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai (thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu thuộc Chủ tịch UBND cấp huyện, lần hai thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh); do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để bà V thực hiện quyền khiếu nại để được UBND cấp có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai hoặc thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự (tranh chấp đất đai với người đang sử dụng đất).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện (bà Hồ Thị Bích V), Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu đã nêu trong đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm chỉ người khởi kiện kháng cáo. Phiên tòa phúc thẩm hôm nay mở lần thứ nhất; Người khởi kiện có mặt; Người bị kiện vắng nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và Người khởi kiện đề nghị xét xử nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ngày 26/11/2020, ngày 08/01/2021 và ngày 01/3/2021 bà Hồ Thị Bích V khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu giải quyết: - hủy Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H về việc trả lời đơn của bà Hồ Thị Bích V; hủy Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H (giải quyết khiếu nại lần đầu); - hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N (giải quyết khiếu nại lần hai). Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xác định Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019, Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/3/2020, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 49/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà V nên việc ngày 26/10/2020 bà V khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019, hủy Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung:

[4] Ngày 29/8/2018 bà Hồ Thị Bích V có ***Đơn xin thỉnh cầu*** gửi UBND xã H ghi: “...Nguyên vào khoảng năm 1976 - 1977 về điều kiện kinh tế cơm không đủ ăn, gia đình tôi phải đổ mồ hôi, nước mắt có khi đánh đổi bằng tính mạng, do bom

*mìn sau chiến tranh còn sót lại “Thí dụ: Ông anh chồng là Huỳnh T1 trong lúc võ rầy, bị mìn nổ mà chết” võ rầy trồng lang mì làm thức ăn nuôi sống. Đến năm 1983 - 1984 Lâm trường huyện N tự ý đem cây bạch đàn trồng vào vùng rầy của tôi. Rồi đến HTXNN H I trồng cây bạch đàn, cây bạch đàn thất bát cây đào già cả không ra trái. HTX giao đất cho UBND xã H quản lý. Hiện giờ số đất trên ông Bùi H2 là cha ruột của cán bộ Công chức địa chính trồng keo và ông Cao Văn H1 ở thôn A xâm chiếm đất của tôi để trồng keo... Đến hôm nay được sự quan tâm giúp đỡ của Nhà nước về đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi kính đề đơn hôm nay kính trình quý cấp xét cấp cho tôi được sở hữu phần đất của tôi gia đình tôi đã đổ mồ hôi nước mắt khai hoang vỡ hoá trước đây. Còn vô cơ người khác chiếm đoạt thì tôi không đồng ý... Kính xin quý cấp, cấp giấy quyền sử dụng đất cho tôi và tôi sử dụng đất rầy đó...” (bút lục 11, 12). Xét, nội dung **Đơn xin thỉnh cầu** ghi ngày 28/8/2018 của bà V thể hiện bà V không tranh chấp đất với cá nhân hay tổ chức mà xin lại diện tích đất bà V cho rằng gia đình Bà đã khai hoang trước đây nay UBND xã quản lý cho thuê; trong khi UBND xã H là cơ quan thay mặt Nhà nước quản lý đất đai tại địa phương ban hành Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 trả lời bà V về tình trạng sử dụng diện tích đất mà bà V có đơn xin lại, không giải quyết tranh chấp đất đai là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 6, Điều 7, khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.*

[5] Không đồng ý với trả lời của UBND xã H tại Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 thì ngày 26/7/2019 bà V khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã H. Cùng ngày 26/7/2019, Chủ tịch UBND xã H có Thông báo số 40/TB- UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, đồng thời ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại của cụ Chấn. Tổ xác minh sau khi tiến hành thẩm tra, xác minh, và tổ chức đối thoại với người khiếu nại nhưng không thành đã báo cáo với Chủ tịch UBND xã H nên ngày 01/10/2019 Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định giải quyết nại lần đầu số 114/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền (quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 4 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015) là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

[6] Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H thì ngày 01/11/2019 bà V có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện N. Ngày 05/12/2019, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Thông báo số 159/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai, đồng thời ngày 09/12/2019 ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND thành lập Tổ xác minh. Sau khi tiến hành thẩm tra, xác minh, và tổ chức đối thoại với người khiếu nại nhưng không thành, Tổ xác minh báo cáo với Chủ tịch UBND huyện N và ngày 24/3/2020 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định giải

quyết nại lần hai số 49/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền (quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015) đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

[7] Xét, khiếu nại của bà V liên quan đến thửa đất lâm nghiệp tại khu vực Vũng ODD xã H và theo sự dẫn dắt thực tế của bà V (vào ngày 23/12/2019) thì thửa đất bà V cho rằng trước đây gia đình bà V khai hoang có diện tích 8.401m². Nguyên thửa đất trên có nguồn gốc trước giải phóng do ông nội chồng bà V tên là Đùng khai hoang, đến năm 1978, toàn bộ diện tích đất trên do HTXNN H I quản lý, sử dụng. Khoảng năm 1984, một nửa diện tích thửa đất được giao cho 5 hộ dân làm nhà ở gồm Lê Thị H4, Trần Thị H3, Trần Thị Đ1, Cao Văn A1 và Cao V1. Đến khoảng năm 1988, các hộ dân không sử dụng đất mà bỏ hoang. Đến năm 2000 thì UBND xã H quản lý, đưa vào quỹ đất công ích. Năm 2010, UBND xã H cho ông Bùi H2 thuê trồng keo và ông Bùi H2 sản xuất, sử dụng cho đến nay. Một nửa diện tích thửa đất còn lại cũng được đưa vào HTXNN H I quản lý nhưng sau đó HTXNN H I để diện tích này cho gia đình bà V sử dụng đến khoảng năm 2005 gia đình bà V đi làm ăn không có ở địa phương nên ông Cao Văn H1 sử dụng đất này để trồng keo. Năm 2008, bà V về địa phương phát sinh đơn đến Ban quản lý thôn A yêu cầu giải quyết việc tranh chấp rừng trồng bạch đàn tại Vũng ODD đối với ông Cao Văn H1, Ban quản lý thôn A đã tổ chức hòa giải vào ngày 18/3/2008 nhưng không thành. Từ đó đến ngày 29/8/2018 bà V mới có ***Đơn xin thỉnh cầu*** gửi UBND xã H xin lại đất gia đình bà V đã khai hoang trước đây.

[8] Theo hồ sơ địa chính và Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg thì đất bà V đề nghị xin lại thuộc một phần thửa đất số 240, loại đất Hg/đb là đất chưa phân phối sử dụng, thể hiện trong *Sổ Mục kê* tại quyển số 2, trang số 91 và một phần thửa đất số 189, 242, 243 loại đất ĐM/đ do HTXNN H I đứng tên sử dụng, thuộc tờ bản đồ số 9, xã H; thể hiện trong *Sổ Đăng ký ruộng đất* (mẫu 5a) tại quyển số 1, trang số 95 và *Sổ mục kê* tại quyển số 2, trang số 89, 91. Theo hồ sơ địa chính và Bản đồ chỉnh lý năm 1999 thì đất bà V đề nghị xin lại thuộc một phần các thửa đất số 189 (loại đất BHK do ông Cao Văn A1 đứng tên), thửa đất số 240 (loại đất BHK do HTXNN H I đứng tên), thửa đất số 242, 243 (loại đất BHK do Tập thể Đội 5 đứng tên), thửa đất số 604 (loại đất BHK do ông Cao V1 đứng tên), thửa đất số 605 (loại đất BHK do bà Trần Thị H3 đứng tên), thửa đất số 606 (loại đất BHK do bà Lê Thị H4 đứng tên) và thửa đất số 607 (loại đất BHK do bà Trần Thị Đ1 đứng tên), thuộc tờ bản đồ số 9, xã H; thể hiện trong *Sổ mục kê* tại quyển số 1, trang số 7, 9 và trang 21.

[9] Đối với diện tích đất ông Bùi H2 thuê sử dụng: Gia đình bà V là người khai hoang và sử dụng diện tích đất nêu trên từ khoảng năm 1975-1976 để trồng lang, mì nhưng từ năm 1980 cho đến nay bà V không còn sử dụng đất và không có

một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Mặt khác, diện tích đất này trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước đã được đưa vào HTXNN H I quản lý và giao cho Lâm trường N trồng cây bạch đàn (năm 1980-1981) và hiện nay do UBND xã H quản lý, cho ông Bùi H2 thuê trồng keo.

[10] Đối với diện tích đất ông Cao Văn H1 sử dụng: Gia đình bà V là người khai hoang và sử dụng diện tích đất nêu trên từ khoảng năm 1975-1976 để trồng lang, mì nhưng từ năm 1980 diện tích đất này cũng được đưa vào HTXNN H I quản lý và giao cho Lâm trường N trồng cây bạch đàn, sau đó HTX để lại đất cho gia đình bà V sử dụng, bà V sử dụng đến khoảng năm 2005 thì đi khỏi địa phương nên ông Cao Văn H1 sử dụng trồng keo cho đến nay. Bà V cũng không cung cấp được tài liệu, giấy tờ hợp pháp nào chứng minh nguồn gốc đất và việc đăng ký kê khai đất, quản lý sử dụng đất. Tuy nhiên, trong ***Đơn xin thỉnh cầu*** ngày 29/8/2018, bà V không tranh chấp đất đai với ông Cao Văn H1 mà chỉ đòi lại đất gia đình bà khai hoang.

[11] Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Do đó, tại Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019, UBND xã H trả lời bà V “...*Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai 2003 và khoản 5, Điều 26 Luật đất đai 2013 đều quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Theo đó bà Hồ Thị Bích V xin lại diện tích đất rừng mà bà cho rằng anh chồng bà là ông Huỳnh T1 đã khai hoang trước đây là không đúng với quy định của pháp luật*”, từ đó không chấp nhận việc bà V đòi UBND H xã trả lại đất là có cơ sở, đúng pháp luật. Như vậy, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 trả lời bác khiếu nại của bà V cũng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[12] Từ các tài liệu, chứng cứ dẫn chứng được phân tích tại các mục nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V (yêu cầu hủy Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019; Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020) là có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

A/ Áp dụng khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của bà Hồ Thị Bích V và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 6; Điều 7; khoản 3 Điều 23; khoản 5 Điều 26; Điều 202; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 17; Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 38; Điều 39; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Bích V {yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 17/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H về việc trả lời đơn của bà Hồ Thị Bích V, ở thôn A, xã H, huyện N; hủy Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị Bích V, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần đầu); hủy Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị Bích V, địa chỉ thường trú: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần hai)}.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: bà Hồ Thị Bích V phải chịu 300.000đ, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp (do ông Nguyễn Thảo nộp thay) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006762 ngày 02/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

B/ Án phí hành chính phúc thẩm: bà Hồ Thị Bích V phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003220 ngày 11/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân